

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 5 - 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Định và ông Trần Quang Lâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị T, sinh ngày 01/01/1994; nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Xóm B, thôn M, xã N, tỉnh Quảng Trị; hiện trú tại: Số E, ngõ G đường Z, quận W, thành phố Đ, Đài Loan. Vắng mặt.

Thân nhân của chị Đoàn Thị T: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (mẹ ruột của chị Đoàn Thị T); địa chỉ: Xóm D, thôn M, xã N, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/10/1990; nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Xóm B, thôn M, xã N, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

Thân nhân của anh Nguyễn Văn C: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 và bà Mai Thị T1, sinh năm 1970 (là bố và mẹ ruột của anh Nguyễn Văn C); địa chỉ: Xóm B, thôn M, xã N, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ); nay là xã N, tỉnh Quảng Trị vào ngày 10 tháng 12 năm 2012. Thời gian đầu, anh chị sống hạnh phúc; nhưng đến năm 2016 và 2019 lần lượt anh C và chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan; do không sống chung cùng nhau nên năm 2023 anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù bản thân anh chị đã nhiều lần chuyện trò để hàn gắn tình cảm và hai bên gia đình cũng nhiều lần cố gắng động viên nhưng không đạt được kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị T và anh C có hai người con chung là cháu Nguyễn Đoàn Bảo H1, sinh ngày 04/02/2013 và Nguyễn Đoàn Chí H2, sinh ngày 05/10/2014. Hiện nay cả hai con chung đang sống cùng với ông bà nội, chị có nguyện vọng sau khi ly hôn được nuôi cháu H2, còn giao cháu H1 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay chị T và anh C đều đang ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cả hai cháu cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh chị trở về nước đồng thời không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về bị đơn anh Nguyễn Văn C: Kết quả xác minh tại Phòng Q, Công an tỉnh Q thể hiện: anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/10/1990 đã xuất cảnh ngày 21/5/2022 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2026, bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ của chị Đoàn Thị T) trình bày: Bà là mẹ ruột của chị T, bà có biết việc chị T làm đơn khởi kiện ly hôn đối với anh C. Chị T và anh C có hai người con chung là Nguyễn Đoàn Bảo H1), hiện đang ở cùng ông bà nội, còn cháu Nguyễn Đoàn Chí H2 đang ở cùng với bà; chồng bà đã chết từ lâu, bà ở một mình nên có cháu ở cùng bà cho vui của nhà. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị T và anh C thì bà đồng ý chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đoàn Chí H2 giúp chị T tới khi nào cũng được.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2025 và ngày 16/4/2026, ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị T1 (bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn C) trình bày: Ông bà là bố mẹ ruột của anh C; đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đã báo cho anh C được biết. Hiện nay anh C đang sinh sống ở Đài Loan nhưng không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Về hôn nhân là việc của các con, ông bà không thể can thiệp được, chỉ mong các con các cháu hòa thuận. Về con chung, anh C và chị T có hai người con chung; nếu anh C và chị T ly hôn, ông bà đồng ý sẽ chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đoàn Bảo H1 đến khi anh C về nước hoặc tới khi nào cũng được; còn cháu Nguyễn Đoàn Chí H2 sẽ giao cho bà ngoại chăm sóc.

Tại phiên toà:

- Anh Nguyễn Văn C vắng mặt, chị Đoàn Thị T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. về con chung: Giao cháu Nguyễn Đoàn Bảo H1 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi; hiện nay anh C đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu H1 cho ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh C Trở về Việt Nam; giao cháu Nguyễn Đoàn Chí H2, sinh ngày 05/10/2014 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi; hiện nay chị T đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu H2 cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị Thân T2 về Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị H3 chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã N, tỉnh Quảng Trị; hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn: Theo thông tin nguyên đơn cung cấp, quá trình xác minh của Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn C đã xuất cảnh sang Đài Loan. Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đã tiến hành tổng đạt các văn bản

tổ tụng của Tòa án theo phương thức niêm yết và đăng tin trên hệ thống phát thanh dành cho người nước ngoài VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 173 và khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện có đăng ký, không vi phạm các điều cấm của luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận cuộc sống chung hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do các năm 2016 và 2019 lần lượt anh Nguyễn Văn C và chị Đoàn Thị T đi làm ăn Đài Loan; do không sống chung nên từ năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù anh chị và gia đình hai bên đã hoà giải để hàn gắn tình cảm nhưng không khắc phục được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Thân yêu C1 Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh C bắt nguồn từ việc vợ chồng đi lao động nước ngoài, do khoảng cách địa lý, sống ly thân; mặc dù anh chị và gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các biện pháp tổng đạt nhưng anh C vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị H3, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị T và anh C không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh C có hai con chung là cháu Nguyễn Đoàn Bảo H1, sinh ngày 04/02/2013 và Nguyễn Đoàn Chí H2, sinh ngày 05/10/2014; cháu H1 mong muốn được ở với bố Nguyễn Văn C, cháu H2 mong muốn ở với mẹ Đoàn Thị T; bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu H2 thay cho chị T; ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị T1 có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1 thay cho anh C; chị H3 không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Xét các cháu H2 và H1 đều thể hiện nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn; chị T và anh C đang cư trú ở nước ngoài; ông bà nội, ngoại có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Xét theo theo nguyện vọng của các bên và tình hình thực tế, cần giao cháu H1 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng thời tạm giao cháu H1 cho ông L, bà T1 chăm sóc nuôi dưỡng đến khi anh C trở về Việt Nam; giao cháu H2 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng thời tạm giao cháu H2 cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị T chịu toàn bộ.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 469; 474; 477 và 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đoàn Bảo H1, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2013 cho anh Nguyễn Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và đồng thời tạm giao cháu H1 cho ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị T1 chăm sóc nuôi dưỡng đến khi anh C trở về Việt Nam. Giao cháu Nguyễn Đoàn Chí H2, sinh ngày 05/10/2014 cho chị Đoàn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và đồng thời tạm giao cháu H2 cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị T trở về Việt Nam. Chị T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh chị có quyền qua lại thăm con; anh hoặc chị và các thành viên trong gia đình hai bên không được cản trở anh chị trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; khi cần thiết anh hoặc chị có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ chung: Chị Đoàn Thị T không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại biên lai số 0000994 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Đoàn Thị T chịu và đã nộp đủ 2.250.000 đồng chi phí đăng tin trên Kênh VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam.

4. Án sơ thẩm xử công khai, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Các đương sự,
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Nam Gianh;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

(Đã ký)

Phan Anh Đức